

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 15/02/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Văn Thuận.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ , tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2018/TLST-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 và quyết định thay đổi Thư ký Tòa án số 07/2019/QĐ-TĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Trung Đ, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị Xuân H, sinh năm 1976.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Trung Đ là bà Phạm Thị Xuân H (Văn bản ủy quyền ngày 15/02/2019).

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phụng T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 8, xã M, huyện Đ , tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà H. Vắng mặt ông T, bà Tr .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2018, các bên khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên

đơn ông Bùi Trung Đ và bà Phạm Thị Xuân H (do bà H làm đại diện) trình bày: Trong các năm 2016 và 2017, vợ chồng ông Nguyễn Phụng T và bà Nguyễn Thị Thanh Tr xây dựng nhà ở tại tổ 11, thôn 8, xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên đến Cửa hàng sơn ĐH ở xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai do vợ chồng ông bà làm chủ để mua vật liệu xây dựng. Việc mua bán có ghi sổ nợ, sau mỗi lần mua vật liệu xây dựng thì ông T đều có ký tên xác nhận và có trả dần nợ cho vợ chồng ông bà. Tính đến ngày 15/01/2017 vợ chồng ông T còn nợ lại vợ chồng ông bà số tiền 170.532.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng). Vợ chồng ông bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Thiên, bà Tr không trả được. Ông Đ và bà H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Phụng T và bà Nguyễn Thị Thanh Tr phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông bà số tiền 170.532.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 15/01/2017 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân H chỉ yêu cầu bị đơn ông T và bà Tr phải trả tiền nợ gốc là 170.532.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 09/11/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Phụng T trình bày: Ông xác nhận có nợ của vợ chồng ông Bùi Trung Đ và bà Phạm Thị Xuân H số tiền 170.532.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) do mua vật liệu xây dựng để xây nhà. Tuy nhiên, khi vợ chồng ông (vợ ông tên Nguyễn Thị Thanh Tr) xây nhà chưa xong thì bề nợ nên vợ chồng ông Đ có xuống nhà lấy lại một số vật liệu xây dựng. Số vật liệu lấy lại thì có ông Dũng là anh rể của bà H ghi lại, do ông Dũng là người xây nhà nên mới giới thiệu ông Đông, bà H bán vật liệu cho ông. Ông T yêu cầu làm rõ số vật liệu ông Đông, bà H đã lấy lại, quy ra tiền và căn trừ vào khoản nợ 170.532.000 đồng, số tiền còn nợ lại bao nhiêu thì ông đồng ý trả. Việc mua vật liệu xây dựng và thiếu nợ thì vợ ông (chị Tr) có biết vì vợ chồng ông cùng mua bán với vợ chồng ông Đông, nhưng chỉ có một mình ông đứng ra ký tên xác nhận. Về khoản nợ trên thì chị Tr cùng ý kiến với ông.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 21/12/2018, ông Nguyễn Phụng T trình bày: Vợ chồng ông đồng ý trả cho vợ chồng ông Đông, bà H số tiền 170.532.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) do mua thiếu vật liệu xây dựng. Việc căn trừ tiền về một số vật liệu xây dựng mà vợ chồng ông Đ đã lấy lại thì giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục tố tụng như tổ chức hòa giải; mở phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ; cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật TTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Phụng T đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 15/01/2017, vợ chồng ông Thiên, bà Tr có mua vật liệu xây dựng của vợ chồng ông Đông, bà H với tổng số tiền 270.532.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 170.532.000 đồng. Nay vợ chồng ông Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Thiên, bà Tr phải liên đới trả cho vợ chồng ông Đông, bà H số tiền gốc 170.532.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 15/01/2017 cho đến khi xét xử xong vụ án. Ông T thừa nhận có nợ tiền mua vật liệu như nội dung trình bày của vợ chồng ông Đông. Vì vậy, yêu cầu của vợ chồng ông Đ là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 170.532.000 đồng. Thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là

tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, được quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Phụng T và bà Nguyễn Thị Thanh Tr nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông T và bà Tr theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về khoản tiền nợ gốc: Nguyên đơn và bị đơn (ông Thiên) đều xác nhận là vợ chồng ông T có mua vật liệu xây dựng dùng để xây nhà ở của vợ chồng ông Đông, bà H với số tiền nợ 170.532.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) nhưng chưa trả là sự thật.

[2.2] Xét về tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H chỉ yêu cầu vợ chồng ông T trả tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi suất. Thấy rằng, ý kiến của bà H là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

[2.3] Xét về nghĩa vụ trả tiền: Mặc dù một mình ông T đứng tên ký xác nhận về khoản tiền nợ do mua vật liệu xây dựng, nhưng theo lời khai của ông T thì: “Chỉ Tr có biết, vợ chồng tôi cùng mua bán với vợ chồng anh Đ, nhưng chỉ có một mình tôi đứng ra ký xác nhận”. Từ đó thấy rằng, việc mua vật liệu xây dựng dùng để xây nhà ở và thiếu nợ lại tiền là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng ông T và bà Tr. Vì vậy, cần áp dụng Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình để buộc bà Tr phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông T trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên là phù hợp pháp luật.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông T và bà Tr phải chịu toàn bộ án phí DSST trên số tiền phải trả nợ. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 430 của Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Nguyễn Phụng T và bà Nguyễn Thị Thanh Tr phải trả cho ông Bùi Trung Đ và bà Phạm Thị Xuân H số tiền là 170.532.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, ông Bùi Trung Đ và bà Phạm Thị Xuân H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền ông Nguyễn Phụng T và bà Nguyễn Thị Thanh Tr phải thanh toán nêu trên, thì ông T và bà Tr còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2/ Về án phí: Buộc ông Nguyễn Phụng T và bà Nguyễn Thị Thanh Tr phải chịu 8.527.000 đồng (Tám triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Bùi Trung Đ và bà Phạm Thị Xuân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 4.263.000 đồng (Bốn triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018834 ngày 19/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/02/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ,
- Chi cục THA dân sự huyện Đ,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận